

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: **130/2021/DS-ST**
Ngày 23 – 6 – 2021
(V/việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Châu Long - Kiểm sát viên .

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-DS, ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ ĐT, sinh năm: 1964.

Bà Quách L, sinh năm: 1966.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Loan là ông Đỗ ĐT, sinh năm: 1964.
Cùng địa chỉ: 55 đường 1/5, khóm U, phường T, Tp CM, tỉnh CM theo giấy ủy quyền ngày 22/02/2021 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần TT, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 52, ấp S, xã TV, thành phố CM, tỉnh CM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan KT, sinh năm: 1966 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 22, Trần Đ, khóm U, phường T, Tp. CM, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ ĐT là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quách L trình bày: Vào năm 2008 do có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên vợ chồng ông có cho bà Trần TT vợ ông Phan KT mượn số tiền 40.000.000đồng, khi cho mượn giữa hai bên không làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau đó bà TT không trả nên vợ chồng ông có đến nhà bà TT đòi tiền, không lâu

sau ông KT đã trả cho vợ chồng ông bà 10.000.000đồng, còn 30.000.000đồng vợ chồng ông KT, bà TT có hứa sẽ trả nhưng không thực hiện. Đến khi vợ chồng ông KT, bà TT ly hôn ông không hay đến khi vợ chồng ông hay thì vợ chồng ông có đến gặp ông KT bà TT để hỏi về số tiền nợ vợ chồng ông thì ông KT bà TT hứa sau khi ly hôn bà TT sẽ trả tiền cho vợ chồng ông, vì bạn bè thân, bà TT đang quản lý nhà, bà TT hứa bán được nhà sẽ trả tiền nên vợ chồng ông cũng đồng ý nhưng sau đó bà TT không thực hiện. Ngày 05/10/2018 vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Ban nhân dân ấp S, xã TV, thành phố CM giải quyết. Ngày 09/11/2018 Ban nhân dân ấp S, tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải bà TT thừa nhận còn nợ tiền của vợ chồng ông và đồng ý trả nhưng bà TT xin ông giảm bớt vài triệu ông cũng đồng ý giảm bớt cho bà TT trả cho vợ chồng ông số tiền 23.000.000đồng. Nhưng từ ngày hòa giải đến nay bà TT không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Nay vợ chồng ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần TT phải thanh toán cho vợ chồng số tiền vốn còn thiếu là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi. Không yêu cầu ông Phan KT có trách nhiệm cùng trả. Ngoài ra, vợ chồng ông bà không yêu cầu gì thêm.

Đối với bà Trần TT trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập hợp lệ song bà TT vắng mặt không rõ lý do.

** Quá trình giải quyết vụ án ông Phan KT (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày như sau:* Ông với bà Trần TT trước đây là vợ chồng, ông và bà TT với vợ chồng ông ĐT là bạn bè rất thân. Năm 2008 bà TT tự ý đi hỏi mượn 40.000.000đồng của vợ chồng ông ĐT, bà L mà không bàn bạc với ông. Đến năm 2011 bà TT bị bẽ nợ ông ĐT đến nhà đòi thì ông mới biết. Năm 2012 ông đã trả cho vợ chồng ông ĐT được 10.000.000đồng. Đến năm 2016 ông với bà TT xảy ra mâu thuẫn bà TT xin ly hôn và được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 309/2016/QĐST – HNGĐ ngày 07/11/2016. Quá trình ông với bà TT ly hôn cũng có thỏa thuận tài sản chung và nợ chung cụ thể tiền nợ vợ chồng ông ĐT, bà TT sẽ chịu trách nhiệm trả, việc thỏa thuận này vợ chồng ông ĐT cũng biết và đồng ý nên vợ chồng ông ĐT không khởi kiện khi ông với bà TT ly hôn. Còn nợ những người khác bà TT cũng là người có trách nhiệm trả toàn bộ và bà TT cũng nhận toàn bộ tài sản của vợ chồng. Năm 2018 vợ chồng ông ĐT kiện ông với bà TT tại Ban nhân dân ấp S, xã TV, thành phố CM. Ông thấy vợ chồng ly hôn đã thỏa thuận xong rồi nên ông không đi tham dự mà để bà TT tự giải quyết với vợ chồng ông ĐT. Sau buổi hòa giải vợ chồng ông ĐT, bà L có nói cho ông nghe về việc thỏa thuận trả nợ, bà TT thừa nhận và đồng ý thanh toán nợ cho vợ chồng ông ĐT bà L, vợ chồng ông ĐT bà L cũng đồng ý cho bà TT trả. Ông KT cho rằng ông không có liên quan trong vụ án nên ông xin được khước từ không tham gia tố tụng, ông xin được vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử tại tòa.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc bà Tiên mượn tiền vợ chồng ông ĐT, bà L là có thật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, các điểm b khoản 2, điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông Đỗ ĐT, bà Quách L thuộc lĩnh vực tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bà Trần TT là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp S, xã TV, thành phố CM, tỉnh CM nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố CM theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà TT mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà TT nhưng bà TT vẫn vắng mặt không có lý do, ông Phan KT xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà TT, ông KT theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Nguyên đơn xác định bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng, khi mượn tiền giữa nguyên, bị đơn không có làm biên nhận tiền, không thỏa thuận thời hạn trả. Từ khi mượn đến nay, bị đơn chỉ thanh toán được 10.000.000 đồng, số còn lại bị đơn không thanh toán theo thỏa thuận, mặc dù nguyên đơn có nhắc nhở nhiều lần. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi mượn tiền giữa các bên không có làm biên nhận, nhưng bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn, quá trình Tòa án giải quyết bị đơn không đến Tòa cũng không gửi ý kiến đề bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp. Từ những lý do trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền vốn 30.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Tiên phải chịu theo quy định. Ông ĐT, bà L không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho ông ĐT, bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 143, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ ĐT, bà Quách L.

Buộc bà Trần TT thanh toán ông ĐT, bà L số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Đỗ ĐT, bà Quách L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần TT không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần TT phải chịu số tiền 1.500.000đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Ông Đỗ ĐT, bà Quách L không phải chịu. Ngày 25/01/2021, ông ĐT, bà L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000549 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THA DS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung